

Số: 2025/TT-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

03/6/2025

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân**

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân, dân quân thường trực và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân.

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong Bộ Quốc phòng, bao gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;

b) Hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân; học viên quân đội, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;

c) Người lao động quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này trong thời gian đi học tập, thực tập, công tác, nghiên cứu, đi điều dưỡng ở nước ngoài mà vẫn hưởng tiền lương hoặc phụ cấp quân hàm hoặc sinh hoạt phí ở trong nước, thì được đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại Thông tư này.

2. Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng quy định tại Thông tư này.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ THU, ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI**

**Điều 3. Mức đóng, phương thức, thời hạn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động, người sử dụng lao động trong Bộ Quốc phòng**

1. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư này được Bộ Quốc phòng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội, trong hai năm đầu tính từ tháng, năm nhập ngũ (đủ 24 tháng) đóng bằng 22% của 02 lần mức tham chiếu; sau đó cứ mỗi năm tiếp theo tăng thêm 0,5 lần mức tham chiếu, tối đa bằng 04 lần mức tham chiếu.

**Ví dụ 1:** *Đồng chí Thượng sĩ Hoàng Văn Ngân, Học viên Học viện Kỹ thuật Quân sự, tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 6 năm 2029 (04 năm 10 tháng). Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng của đồng chí Ngân được thực hiện như sau:*

*Từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 6/2025 (10 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của mức lương cơ sở (trước thời điểm Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực);*

*Từ tháng 7/2025 đến tháng 8/2026 (14 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 02 lần mức tham chiếu;*

*Từ tháng 9/2026 đến tháng 8/2027 (12 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 2,5 lần mức tham chiếu;*

*Từ tháng 9/2027 đến tháng 8/2028 (12 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 3 lần mức tham chiếu;*

*Từ tháng 9/2028 đến tháng 6/2029 (10 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 3,5 lần mức tham chiếu.*

**Ví dụ 2:** *Đồng chí Thượng sĩ Vũ Văn Hà; Học viên Học viện quân y, tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2027, Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng của đồng chí Hà được thực hiện như sau:*

*Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 6/2025 (4 năm 10 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của mức lương cơ sở (trước thời điểm Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực);*

*Từ tháng 7/2025 đến tháng 8/2025 (02 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 3,5 lần mức tham chiếu;*

*Từ tháng 9/2025 đến tháng 8/2026 (12 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 4,0 lần mức tham chiếu;*

*Từ tháng 9/2026 đến tháng 4/2027 (8 tháng): Mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng bằng 22% của 4 lần mức tham chiếu.*

2. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này bị ốm đau phải nghỉ việc mà không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng do thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn thì người lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Bảo hiểm xã hội; Bộ Quốc phòng có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội theo khoản 1 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo, tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Nghị định số .../2025/NĐ-CP. Thời gian này được tính là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 3:** *Đồng chí Trung úy QNCN Nguyễn Văn Tư, công tác tại Bộ CHQS tỉnh A, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giúp dân trong phòng chống thiên tai, đồng chí Tư bị ốm phải nghỉ việc để điều trị từ ngày 05 tháng 11 đến ngày 22 tháng 11 năm 2025. Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau của đồng chí Tư là 16 ngày (trừ 02 ngày Chủ nhật). Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng 10 năm 2025 của đồng chí Tư là 11.500.000 đồng. Mức đóng bảo hiểm xã hội tháng 11 năm 2025 của đồng chí Tư được thực hiện như sau:*

*Bộ CHQS tỉnh A (người sử dụng lao động):*

$$17\% \quad \times \quad 11.500.000 \text{ đồng} \quad = \quad 1.955.000 \text{ đồng}$$

*Đồng chí Nguyễn Văn Tư (người lao động):*

$$8\% \quad \times \quad 11.500.000 \text{ đồng} \quad = \quad 920.000 \text{ đồng}$$

*Thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau (tháng 11 năm 2025) của đồng chí Tư được tính là thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.*

#### **Điều 4. Tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội**

Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số .../2025/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

1. Trường hợp tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số.../2025/NĐ-CP

Người sử dụng lao động thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số .../2025/NĐ-CP, có văn bản đề nghị Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, kèm theo danh sách người lao động tại thời điểm trước khi tạm

dừng sản xuất, kinh doanh và danh sách người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng lao động, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có văn bản đề nghị Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

2. Trường hợp tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP.

Người sử dụng lao động thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số ../2025/NĐ-CP có văn bản đề nghị Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, kèm theo danh sách người lao động tại thời điểm trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh và danh sách người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc.

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của người sử dụng lao động, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có văn bản đề nghị Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng xác định giá trị tài sản bị thiệt hại kèm theo báo cáo kiểm kê tài sản gần nhất trước thời điểm bị thiệt hại và biên bản kiểm kê tài sản thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không kể giá trị tài sản là đất).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng xác định giá trị tài sản bị thiệt hại so với giá trị tài sản theo báo cáo kiểm kê giá trị tài sản gần nhất trước thời điểm bị thiệt hại và trả lời bằng đơn vị bằng văn bản.

3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Văn bản đề nghị Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất, kèm theo văn bản xác định số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội tạm thời nghỉ việc so với tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thực hiện theo quy định điểm a khoản này, kèm theo văn bản xác định giá trị tài sản bị thiệt hại của Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

5. Thời điểm tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất tính từ tháng Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) nhận được đầy đủ văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo quy định tại khoản 3 Điều này.

### Chương III

## CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

### Mục 1. CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

#### **Điều 5. Đối tượng, điều kiện hưởng chế độ ốm đau**

1. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này được hưởng chế độ ốm đau khi nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Bảo hiểm xã hội và được hướng dẫn như sau:

a) Điều trị khi mắc bệnh mà không phải bệnh nghề nghiệp hoặc tai nạn mà không phải tai nạn lao động.

**Ví dụ 4:** *Đồng chí Trung úy QNCN Nguyễn Hải An bị sốt vi rút phải nghỉ việc để điều trị bệnh từ ngày 14 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 18 tháng 4 năm 2026. Thời gian nghỉ việc để điều trị bệnh của đồng chí An được hưởng trợ cấp ốm đau là 05 ngày.*

b) Điều trị khi bị tai nạn mà không phải là tai nạn lao động hoặc điều trị khi bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

**Ví dụ 5:** *Đồng chí Đại úy QNCN Đào Văn Tiến, bị tai nạn từ nơi ở đến nơi làm việc theo tuyến đường và thời gian hợp lý, phải nghỉ việc để điều trị từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 18 tháng 02 năm 2026 (ngày nghỉ hằng tuần là ngày Chủ nhật). Thời gian nghỉ việc để điều trị của đồng chí Tiến được hưởng trợ cấp ốm đau 09 ngày và được giải quyết chế độ tai nạn lao động theo quy định.*

c) Điều trị phục hồi chức năng lao động khi thương tật, bệnh tật tái phát do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc do bị tai nạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 6:** *Đồng chí Đại úy QNCN Đào Văn Tiến (tại ví dụ 4), sau khi ra viện về đơn vị công tác, do vết thương tái phát đồng chí Tiến phải nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động từ ngày 20 tháng 3 năm 2026 đến ngày 05 tháng 4 năm 2026. Thời gian nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động, đồng chí Tiến được hưởng chế độ ốm đau theo quy định.*

d) Người lao động phải nghỉ việc khi hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật hoặc chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau thì được hưởng chế độ ốm đau.

2. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này không được hưởng chế độ ốm đau theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Bảo hiểm xã hội được hướng dẫn cụ thể một số nội dung sau:

a) Trong thời gian điều trị do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Ví dụ 7:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Văn Hồng bị tai nạn lao động phải*

*ngủ việc để điều trị từ ngày 11 tháng 3 năm 2026 đến ngày 20 tháng 3 năm 2026 (không thuộc trường hợp tại ví dụ 4). Thời gian nghỉ việc để điều trị do tai nạn lao động của đồng chí Hồng không được hưởng chế độ ốm đau.*

b) Trong thời gian lần đầu phải nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

**Ví dụ 8:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Văn Hồng (ví dụ 7), phải nghỉ việc để điều trị phục hồi chức năng do tai nạn lao động từ ngày 25 tháng 3 năm 2026 đến ngày 10 tháng 4 năm 2026. Thời gian nghỉ việc để điều trị phục hồi chức năng do tai nạn lao động của đồng chí Hồng không được hưởng chế độ ốm đau.*

c) Người lao động nghỉ việc điều trị bệnh trong thời gian nghỉ theo quy định của pháp luật về lao động hoặc đang nghỉ việc hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật chuyên ngành khác hoặc đang nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì phải điều trị bệnh.

**Ví dụ 9:** *Thượng úy Nguyễn Thị Hải An, nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ tháng 11 năm 2025 đến hết tháng 4 năm 2026; đồng chí An bị sốt vì rút điều trị tại bệnh viện từ ngày 09 tháng 02 năm 2026 đến ngày 13 tháng 02 năm 2026. Thời gian này, đồng chí An không được hưởng chế độ ốm đau do trùng với thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.*

d) Người sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định, trừ trường hợp sử dụng thuốc tiền chất hoặc thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tự gây thương tích hoặc tự gây tổn hại cho sức khỏe của mình trong thời gian điều trị bệnh thì không được hưởng chế độ ốm đau.

## **Điều 6. Thời gian hưởng chế độ ốm đau**

1. Thời gian hưởng chế độ ốm đau đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này căn cứ vào thời gian điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và thời gian mà người lao động phải nghỉ việc theo chỉ định của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó, số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ ốm đau tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

**Ví dụ 10:** *Đồng chí Đại úy Nguyễn Văn An, ngày 13 tháng 10 năm 2025 bị ốm phải nghỉ việc để điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đến ngày 18 tháng 10 năm 2025 và được bác sĩ điều trị chỉ định nghỉ việc để điều trị bệnh thêm 05 ngày, đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2025. Ngày nghỉ hằng tuần của đồng chí An được xác định là ngày Chủ nhật. Như vậy, số ngày đồng chí An được hưởng chế độ ốm đau là 10 ngày (không tính ngày 19 tháng 10 là ngày Chủ nhật).*

2. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này thực hiện như sau:

a) Thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) cho mỗi con tối đa là 20 ngày nếu con dưới 03 tuổi; tối đa là 15 ngày nếu con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi.

b) Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thời gian hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau của mỗi người theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau quy định tại điểm a khoản này tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ hằng tuần.

d) Trường hợp người lao động có một con dưới 3 tuổi bị ốm đau

**Ví dụ 11:** *Đồng chí Thượng úy Vũ Thị Vân có con 02 tuổi bị ốm đau nên phải nghỉ việc để chăm sóc con từ ngày 04 tháng 11 đến ngày 10 tháng 11 năm 2025. Ngày nghỉ hằng tuần của đồng chí Vân là ngày Chủ nhật. Số ngày đồng chí Vân nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau là 07 ngày; trong đó, số ngày được hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau là 06 ngày (trừ 01 ngày nghỉ hằng tuần là ngày Chủ nhật).*

đ) Trường hợp trong cùng một thời gian người lao động có từ 2 con trở lên dưới 7 tuổi bị ốm đau thì thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau được tính bằng thời gian thực tế người lao động nghỉ việc chăm sóc con ốm đau; thời gian tối đa người lao động nghỉ việc trong một năm cho mỗi con được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Ví dụ 12:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Thị Lan, có 02 con 06 tuổi bị ốm đau với thời gian như sau: Con thứ nhất bị ốm từ ngày 04 tháng 02 đến ngày 10 tháng 02 năm 2026, con thứ hai bị ốm từ ngày 07 tháng 02 đến ngày 13 tháng 02 năm 2026, đồng chí Lan phải nghỉ việc để chăm sóc cả 02 con ốm đau. Ngày nghỉ hằng tuần của đồng chí Lan là ngày Chủ nhật. Thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Lan được tính từ ngày 04 tháng 02 đến ngày 13 tháng 02 năm 2026 là 09 ngày (trừ 01 ngày nghỉ hằng tuần là ngày Chủ nhật).*

e) Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà luân phiên nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau thì thời gian tối đa hưởng chế độ khi chăm sóc con ốm đau trong một năm của người cha hoặc người mẹ cho mỗi con theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Ví dụ 13:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Thị Minh và chồng là đồng chí Thiếu tá Đặng Văn Long đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc có con 06 tuổi bị ốm phải điều trị ở bệnh viện từ ngày 11 tháng 9 đến ngày 05 tháng 10 năm 2025. Ngày nghỉ hằng tuần của hai vợ chồng đồng chí Minh là ngày Chủ nhật. Vì điều kiện công việc, hai vợ chồng đồng chí Minh phải bố trí thay nhau nghỉ việc chăm sóc con như sau:*

- Đồng chí Minh nghỉ việc chăm con từ ngày 11 tháng 9 đến ngày 17 tháng 9 năm 2025 và từ ngày 25 tháng 9 đến ngày 05 tháng 10 năm 2025;

- Đồng chí Long nghỉ việc chăm con từ ngày 18 tháng 9 đến ngày 24 tháng 9 năm 2025.

Thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Minh và đồng chí Long được tính như sau:

Đối với đồng chí Minh: Tổng số ngày nghỉ việc chăm sóc con ốm đau là 20 ngày, trừ 03 ngày nghỉ hằng tuần vào ngày Chủ nhật, còn lại 17 ngày. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi con từ đủ 03 tuổi đến dưới 07 tuổi bị ốm đau trong một năm tối đa là 15 ngày. Do vậy, trong trường hợp này, con của đồng chí Minh 06 tuổi nên đồng chí Minh được hưởng chế độ chăm sóc khi con ốm đau là 15 ngày.

Đối với đồng chí Long: Tổng số ngày nghỉ việc chăm sóc con ốm đau là 07 ngày, thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Long là 06 ngày (trừ 01 ngày nghỉ hằng tuần vào ngày Chủ nhật).

g) Trường hợp cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội, cùng nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau thì cả cha và mẹ đều được giải quyết hưởng chế độ khi con ốm đau; thời gian tối đa hưởng chế độ khi con ốm đau trong một năm của người cha hoặc người mẹ cho mỗi con theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Ví dụ 14:** Đồng chí Thượng úy QNCN Nguyễn Thị Hà và chồng là đồng chí Thiếu tá Đặng Ngọc Thịnh, đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, có 02 con 04 tuổi bị ốm đau, vợ chồng đồng chí Hà phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau. Ngày nghỉ hằng tuần của vợ chồng đồng chí Hà là ngày Chủ nhật. Thời gian nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau của vợ chồng đồng chí Hà như sau:

Con thứ nhất bị ốm điều trị tại bệnh viện, đồng chí Hà nghỉ việc để chăm sóc con từ ngày 04 tháng 5 đến ngày 21 tháng 5 năm 2026;

Con thứ hai bị ốm điều trị ngoại trú, đồng chí Thịnh phải nghỉ việc để chăm sóc con từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 09 tháng 5 năm 2026.

Trường hợp này, cả hai vợ chồng đồng chí Hà đều được hưởng chế độ chăm sóc con ốm đau.

Đối với đồng chí Hà: Thời gian nghỉ việc để chăm sóc con bị ốm đau từ ngày 04 tháng 5 đến ngày 21 tháng 5 năm 2026 là 18 ngày (trừ 02 ngày nghỉ hằng tuần là Chủ nhật, còn lại 16 ngày). Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ khi con từ 3 đến dưới 7 tuổi bị ốm đau theo quy định trong một năm tối đa là 15 ngày. Do đó, thời gian hưởng chế độ khi con ốm đau của đồng chí Hà chỉ được tính là 15 ngày.

Đối với đồng chí Thịnh: Thời gian nghỉ từ ngày 05 tháng 5 đến ngày 09 tháng 5 năm 2026 là 05 ngày, thời gian được hưởng chế độ khi con ốm đau là 04 ngày (trừ 01 ngày nghỉ hằng tuần là Chủ nhật).

#### **Điều 7. Mức hưởng trợ cấp ốm đau**

1. Mức hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật Bảo hiểm xã hội. Trường hợp có ngày lễ không trọn tháng thì mức hưởng chế độ ốm đau của những ngày lễ không trọn tháng được tính theo công thức dưới đây nhưng tối đa bằng mức trợ cấp ốm đau một tháng.

$$\text{Mức hưởng trợ cấp ốm đau} = \frac{\text{Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội}}{24} \times 100\% \times \text{Số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ ốm đau}$$

**Ví dụ 15:** Đồng chí Thượng úy QNCN Nguyễn Văn Hiền, bị ốm, điều trị bệnh từ ngày 05 tháng 01 đến ngày 15 tháng 02 năm 2026, giả sử tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau (tháng 12 tháng 2025) là 10.629.450 đồng.

Mức hưởng trợ cấp ốm đau của đồng chí Hiền được tính như sau:

Thời gian ốm đau được tính cả tháng: Từ ngày 05 tháng 01 đến ngày 04 tháng 02 năm 2026 là 01 tháng; mức hưởng trợ cấp ốm đau bằng mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng 12 tháng 2025 là 10.629.450 đồng

Thời gian có ngày lễ: từ ngày 05 tháng 02 đến ngày 15 tháng 02 năm 2026 là 11 ngày, trong đó có 02 ngày nghỉ hằng tuần là ngày Chủ nhật; do đó, số ngày lễ được tính hưởng trợ cấp ốm đau từ nguồn quỹ bảo hiểm xã hội là 09 ngày, mức hưởng trợ cấp ốm đau của những ngày lễ được tính như sau:

$$\text{Mức hưởng trợ cấp ốm đau} = \frac{10.629.450 \text{ đồng}}{24 \text{ ngày}} \times 100\% \times 09 (\text{ngày}) = 3.986.044 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền trợ cấp ốm đau của đồng chí Hiền là:

$$10.629.450 \text{ đồng} + 3.986.044 \text{ đồng} = 14.615.494 \text{ đồng.}$$

2. Mức hưởng trợ cấp ốm đau khi nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau đối với người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

$$\text{Mức hưởng trợ cấp khi chăm sóc con ốm đau} = \frac{\text{Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội}}{24 \text{ ngày}} \times 75\% \times \text{Số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ chăm sóc con ốm đau}$$

3. Ngày làm việc để làm cơ sở xác định thời gian hưởng chế độ ốm đau hoặc chăm sóc con ốm đau của người lao động là thời giờ làm việc bình thường trong một ngày mà người lao động phải làm việc cho người sử dụng lao động theo nội quy lao động hoặc quy định của pháp luật, trường hợp nghỉ việc dưới nửa ngày được tính là nửa ngày; từ nửa ngày đến dưới một ngày được tính là một ngày.

**Ví dụ 16:** *Trung úy QNCN Nguyễn Văn Tâm, làm việc trong nhà máy Z, chế độ làm việc của nhà máy Z là 08 giờ/ngày; ngày nghỉ hằng tuần là ngày Chủ nhật. Đồng chí Tâm bị ốm phải nghỉ việc để điều trị từ ngày 05 tháng 02 đến ngày 13 tháng 02 năm 2026 (08 ngày) và nghỉ việc từ 7h30-11h00 ngày 14 tháng 02 năm 2026 (3,5 giờ làm việc được tính là nửa ngày). Thời gian phải nghỉ việc để điều trị được hưởng chế độ ốm đau của đồng chí Tâm là 8,5 ngày.*

4. Trong thời gian hưởng trợ cấp ốm đau, nếu Chính phủ điều chỉnh tăng mức tham chiếu hoặc người lao động được phong, thăng quân hàm, nâng lương, tăng phụ cấp thâm niên nghề hoặc thâm niên vượt khung thì mức hưởng chế độ ốm đau của người lao động vẫn tính theo mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị bệnh.

**Ví dụ 17:** *Đồng chí Đại úy QNCN Hà Lê Hòa, bị ốm phải nghỉ việc để điều trị bệnh, từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 10 tháng 7 năm 2026. Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tháng 5 năm 2026 của đồng chí Hòa là 14.601.600 đồng. Giả sử từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, đồng chí Hòa được nâng lương từ hệ số 5,2 lên hệ số 5,45 thì mức hưởng trợ cấp ốm đau từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 10 tháng 7 năm 2026 của đồng chí Hòa được tính theo mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm tháng 5 năm 2026 là 14.601.600 đồng.*

### **Điều 8. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau**

1. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau đối với người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 18:** *Đồng chí Thượng tá Nguyễn Văn Đức, nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ ngày 15 tháng 10 năm 2025 đến ngày 15 tháng 12 năm 2025. Từ ngày 16 tháng 12 năm 2025 đồng chí Đức trở lại tiếp tục làm việc đến ngày 30 tháng 12 năm 2025 do sức khỏe chưa phục hồi nên đồng chí Đức được đơn vị giải quyết nghỉ việc hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 04 tháng 01 năm 2026. Thời gian hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau của đồng chí Đức được tính cho năm 2025 là 05 ngày x 30% mức tham chiếu tại thời điểm tháng 01 năm 2026.*

2. Thẩm quyền quyết định số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo hiểm xã hội do thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhân sự và cơ quan quân y (nếu có).

3. Việc xác định thời gian tối đa được hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 19:** *Đồng chí Đại úy QNCN Nguyễn Văn Giáp, bị ốm phải nghỉ việc, đủ điều kiện và được đơn vị giải quyết nghỉ hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau trong tháng 11 năm 2025 (05 ngày). Đến tháng 12 năm 2025, đồng chí Giáp bị ốm đau phải phẫu thuật, sau đó trở lại làm việc nhưng sức khỏe chưa phục hồi, đồng chí Giáp được đơn vị giải quyết nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau là 02 ngày (theo quy định, nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau phải phẫu thuật tối đa là 07 ngày nhưng trước đó đồng chí Giáp đã nghỉ hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau là 05 ngày nên đồng chí Giáp chỉ được nghỉ tối đa là 02 ngày).*

4. Trường hợp người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau nhưng không nghỉ việc thì không được hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi ốm đau.

## Mục 2. CHẾ ĐỘ THAI SẢN

### Điều 9. Đối tượng, điều kiện hưởng chế độ thai sản

Điều kiện hưởng chế độ thai sản của lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này được thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn như sau:

1. Lao động nữ sinh con thuộc trường hợp trước đó phải nghỉ việc để điều trị vô sinh thì điều kiện hưởng chế độ thai sản khi sinh con là đã đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng liền kề trước khi sinh con.

**Ví dụ 20:** *Đồng chí Đại úy Hà Thị Quyên có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc liên tục từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 8 năm 2025. Do hiếm muộn, đồng chí Quyên xin nghỉ việc để đi điều trị vô sinh, đến tháng 01 năm 2027 đồng chí Quyên sinh con; trong khoảng thời gian 24 tháng trước khi sinh (tính từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2026) đồng chí Quyên có 08 tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (tính từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025). Như vậy, đồng chí Quyên đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản khi sinh con.*

2. Thời gian 12 tháng hoặc 24 tháng liền kề trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi xác định như sau:

a) Trường hợp lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi trước ngày 15 của tháng, thì tháng

sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi không tính vào thời gian 12 tháng hoặc 24 tháng trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi.

**Ví dụ 21:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Thị Vân, sinh con ngày 12 tháng 11 năm 2025, thời gian 12 tháng trước khi sinh con được tính từ tháng 11 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025.*

b) Trường hợp lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi từ ngày 15 trở đi của tháng và tháng đó có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi được tính vào thời gian 12 tháng hoặc 24 tháng trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi. Trường hợp tháng đó không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

**Ví dụ 22:** *Đồng chí Thượng úy Nguyễn Thị Vân (ví dụ 21) nếu sinh con ngày 18 tháng 11 năm 2025, thời gian 12 tháng trước khi sinh con được tính như sau:*

- *Nếu tháng 11 năm 2025 có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì 12 tháng trước khi sinh tính từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 11 năm 2025.*

- *Nếu tháng 11 năm 2025 không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì 12 tháng trước khi sinh tính từ tháng 11 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025.*

3. Trong thời gian trở lại làm việc trước khi hết thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con mà lao động nữ phải nghỉ việc để đi khám thai, sảy thai, phá thai, thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ, thai ngoài tử cung, thực hiện các biện pháp tránh thai thì được hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Điều 51, Điều 52 và Điều 57 Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con, nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn như sau:

a) Đối với trường hợp chỉ có người cha tham gia bảo hiểm xã hội hoặc cả cha và mẹ cùng tham gia bảo hiểm xã hội nhưng người mẹ không đủ điều kiện để hưởng chế độ thai sản khi sinh con thì người cha đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi người mẹ sinh con được trợ cấp một lần.

b) Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ và người mang thai hộ không tham gia bảo hiểm xã hội hoặc có tham gia bảo hiểm xã hội nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản, thì chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ đã đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con được trợ cấp một lần.

### **Điều 10. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản**

1. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con được thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội. Trường hợp mẹ chết sau khi sinh con thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng chế độ thai sản quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội, hướng dẫn như sau:

a) Trường hợp chỉ có mẹ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà mẹ chết sau khi sinh con thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản để chăm sóc con đối với thời gian còn lại của người mẹ. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người mẹ.

b) Trường hợp mẹ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 hoặc khoản 5 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội mà chết thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người mẹ.

c) Trường hợp cả cha và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà mẹ chết sau khi sinh con thì cha được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đối với thời gian còn lại của người mẹ. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người cha.

Trường hợp người cha không nghỉ việc thì ngoài tiền lương còn được hưởng trợ cấp thai sản đối với thời gian còn lại của người mẹ. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người mẹ.

d) Trường hợp cả cha và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng người mẹ không đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 hoặc khoản 5 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội mà mẹ chết thì cha được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người cha.

đ) Trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà mẹ chết sau khi sinh con hoặc gặp rủi ro sau khi sinh mà không đủ sức khỏe để chăm sóc con theo xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì cha được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 06 tháng tuổi. Mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên cơ sở mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người cha.

2. Khi tính thời gian hưởng chế độ thai sản theo quy định tại Điều 51, Điều 52, khoản 2 Điều 53 và Điều 57 Luật Bảo hiểm xã hội nếu có thời gian trùng với thời gian nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương thì

không được tính hưởng chế độ thai sản.

3. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 8 Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội, được hướng dẫn: Lao động nữ trở lại làm việc trước khi hết thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi sinh con theo quy định thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi trở lại làm việc được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội, kể từ khi trở lại làm việc lao động nữ được hưởng tiền lương do người sử dụng lao động trả và tiếp tục được hưởng trợ cấp thai sản theo mức quy định tại Điều 59 Luật Bảo hiểm xã hội; người sử dụng lao động và người lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho thời gian người lao động trở lại làm việc.

4. Thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 3 Điều này, được ghi theo mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản. Trường hợp trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản người lao động được phong, thăng quân hàm, nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề thì được ghi theo mức tiền lương mới của người lao động từ thời điểm được phong, thăng quân hàm, nâng lương, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề.

#### **Điều 11. Trợ cấp thai sản**

Trợ cấp thai sản được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Bảo hiểm xã hội, hướng dẫn như sau:

1. Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để tính trợ cấp thai sản là mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của 06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, thời gian đóng bảo hiểm xã hội không liên tục thì được cộng dồn.

Trường hợp tháng sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi được tính vào thời gian 12 tháng hoặc 24 tháng trước khi sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi thì mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của 06 tháng gần nhất trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản, bao gồm cả tháng sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi.

2. Đối với người lao động hưởng trợ cấp thai sản theo quy định tại Điều 51, Điều 52, khoản 2, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 53, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 54, khoản 2 Điều 55 và Điều 57 Luật Bảo hiểm xã hội ngay trong tháng đầu tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì mức hưởng trợ cấp thai sản được tính trên tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của chính tháng đó.

3. Trong thời gian hưởng chế độ thai sản, nếu Chính phủ điều chỉnh tăng mức tham chiếu hoặc người lao động được phong, thăng quân hàm, nâng lương,

tăng phụ cấp thâm niên nghề hoặc phụ cấp thâm niên vượt khung thì mức hưởng chế độ thai sản của người lao động vẫn tính theo mức bình quân tiền lương làm căn cứ tại thời điểm bắt đầu tính hưởng chế độ thai sản.

### **Điều 12. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản**

1. Lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ được nghỉ việc hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản theo quy định tại Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Việc quyết định số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội do thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhân sự và cơ quan quân y (nếu có).

3. Lao động nữ đủ điều kiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe trong năm nào thì thời gian nghỉ việc hưởng dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được tính cho năm đó.

4. Trường hợp người lao động không nghỉ việc hoặc lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Bảo hiểm xã hội thì không giải quyết chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thời gian hưởng chế độ khi sinh con.

## **Mục 3. CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ**

### **Điều 13. Đối tượng và điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng**

1. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này khi nghỉ việc, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên được hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật bảo hiểm xã hội, khoản 1 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

a) Lộ trình điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của người lao động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Lộ trình điều chỉnh tuổi nghỉ hưu của người lao động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Việc xác định thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021 để làm căn cứ xét điều kiện hưởng lương hưu (nếu có thời gian ngắt quãng thì được cộng dồn), hướng dẫn như sau:

Trong thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ

cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021 mà người lao động phải nghỉ việc để điều trị, phục hồi chức năng lao động do bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp và thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì được tính là thời gian làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Thời gian người lao động được cử làm việc, đi học, hợp tác lao động mà không làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì không được tính là thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021.

**Ví dụ 23:** *Đồng chí Đại úy QNCN Lê Văn Nam, có quá trình công tác như sau:*

*Từ tháng 4 năm 2003 đến tháng 3 năm 2010 là lao động hợp đồng làm việc trong điều kiện lao động bình thường; từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 3 năm 2022 (12 năm), là công nhân quốc phòng, thợ hàn (thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm); từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 9 năm 2026 (4 năm 6 tháng), là quân nhân chuyên nghiệp, công tác tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2026, đồng chí Nam nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. Tại thời điểm hưởng lương hưu đồng chí Nam đủ 51 năm 06 tháng tuổi, có 23 năm 06 tháng tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó có tổng thời gian làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là 16 năm 6 tháng. Do đó, đồng chí Nam đủ điều kiện hưởng lương hưu.*

2. Trường hợp người lao động đủ điều kiện về tuổi hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì người lao động được đóng tiếp một lần cho số tháng còn thiếu với mức đóng hằng tháng bằng tổng mức đóng của người lao động và người sử dụng lao động trước khi người lao động nghỉ việc vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại khoản 7 Điều 33 Luật Bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 24:** *Đồng chí Thiếu tá QNCN Hà Thị Lý, nghỉ việc từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 (đủ 51 tuổi 8 tháng, có 14 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt*

*buộc). Đồng chí Lý có nguyện vọng đóng bảo hiểm xã hội một lần cho 05 tháng còn thiếu để đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội và được hưởng chế độ hưu trí hằng tháng. Tháng 9 năm 2025, đồng chí Lý nộp tiền cho đơn vị để chuyển vào tài khoản chuyên thu bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Quân đội với mức đóng bằng 22% của 05 tháng tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc (tháng 9 năm 2025). Do đó, từ tháng 10 năm 2025 đồng chí Lý đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.*

**Ví dụ 25:** *Đồng chí Thiếu tá QNCN Nguyễn Văn Hà, công tác trong điều kiện bình thường, bị suy giảm khả năng lao động 61% và được nghỉ việc từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 (đủ 51 tuổi 6 tháng, có 19 năm 8 tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc). Đồng chí Hà có nguyện vọng đóng bảo hiểm xã hội một lần cho 04 tháng còn thiếu để đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và được hưởng chế độ hưu trí hằng tháng. Tháng 4 năm 2026, đồng chí Hà nộp tiền cho đơn vị để chuyển vào tài khoản chuyên thu bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Quân đội với mức đóng bằng 22% của 04 tháng tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng cuối cùng trước khi nghỉ việc (tháng 4 năm 2026). Do đó, từ tháng 5 năm 2026 đồng chí Hà đủ điều kiện hưởng lương hưu hằng tháng.*

3. Hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo cấp bậc quân hàm hoặc hạn tuổi phục vụ của người làm công tác cơ yếu theo Bộ luật Lao động đối với người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này để xác định tuổi nghỉ hưu theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP là cấp bậc quân hàm (bậc lương) tại thời điểm nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) ghi trong quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền.

#### **Điều 14. Mức lương hưu hằng tháng**

1. Mức lương hưu hằng tháng của người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số .../2025/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

a) Đối với lao động nữ bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 19 Thông tư này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%;

**Ví dụ 26:** *Đồng chí Thiếu tá QNCN Nguyễn Thị Bảy, nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 (đủ 54 tuổi), có 29 năm 03 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Bảy được tính như sau:*

- 15 năm đầu được tính bằng 45%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 29 là 14 năm, tính thêm:  $14 \times 2\% = 28\%$
- 03 tháng tính bằng mức hưởng của nửa (1/2) năm đóng bảo hiểm xã hội:  $0,5 \times 2\% = 1\%$ ;

- Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Bảy là 74% ( $45\% + 28\% + 1\% = 74\%$ ).

b) Đối với lao động nam bằng 45% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 19 Thông tư này tương ứng 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng thì tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

**Ví dụ 27:** Đồng chí Thiếu tá QNCN Vũ Văn An, nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 (đủ 54 tuổi), có 35 năm đóng bảo hiểm xã hội. Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí An được tính như sau:

- 20 năm đầu được tính bằng 45%;
- Từ năm thứ 21 đến năm thứ 35 là 15 năm, tính thêm:  $15 \times 2\% = 30\%$
- Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí An là 75% ( $45\% + 30\% = 75\%$ ).

c) Trường hợp lao động nam có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm, mức lương hưu hằng tháng bằng 40% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 19 Thông tư này tương ứng 15 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng thì tính thêm 1%.

**Ví dụ 28:** Đồng chí Thiếu tá QNCN Vũ Văn An (ví dụ 27) nhưng có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là 19 năm, tỷ lệ % lương hưu hằng tháng được tính như sau:

- 15 năm đầu được tính bằng 40%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 19 là 04 năm, tính thêm:  $04 \times 1\% = 4\%$
- Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí An là  $40\% + 4\% = 44\%$ .

2. Mức lương hưu hằng tháng của người lao động làm nghề, công việc đặc biệt đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 3 Điều 13 Nghị định số .../2025/NĐ-CP khi nghỉ hưu mà chưa đạt mức tối đa 75% được quy định như sau:

a) Đối với lao động nam bằng 50% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 19 Thông tư này tương ứng với 15 năm đầu đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3%, mức tối đa bằng 75%.

**Ví dụ 29:** Đồng chí Đại úy QNCN Lê Hải Nam, (52 tuổi), có tổng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là 23 năm; trong đó có 10 năm làm nghề, công việc đặc biệt đặc thù, đủ điều kiện để nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

\* Khi tính lương hưu theo khoản 1 Điều này thì được tính như sau:

- 20 năm đầu được tính bằng 45 %
- Từ năm thứ 21 đến năm thứ 23 là 03 năm, tính thêm:  $03 \times 2\% = 6\%$
- Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Nam là  $(45\% + 6\% = 51\%)$ .

*\* Khi tính lương hưu theo khoản 2 Điều này được tính như sau:*

- 15 năm đầu được tính bằng 50%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 23 là 08 năm, tính thêm:  $08 \times 3\% = 24\%$
- Tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Nam là:  $50\% + 24\% = 74\%$ .

b) Đối với lao động nữ bằng 55% mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 19 Thông tư này tương ứng với 15 năm đầu đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3%, mức tối đa bằng 75%.

**Ví dụ 30:** Đồng chí Đại úy QNCN Vũ Thị Hải Yến, có tổng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và công tác trong quân đội là 22 năm; trong đó có 10 năm làm nghề, công việc đặc biệt đặc thù, cách tính như sau:

- 15 năm đầu được tính bằng 55%;
- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 22 là 07 năm, tính thêm:  $07 \times 3\% = 21\%$
- Tổng tỷ lệ % là:  $55\% + 21\% = 76\%$ ;

Theo quy định tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng tối đa bằng 75%; do đó, tỷ lệ % lương hưu hằng tháng của đồng chí Yến là 75%. Đồng chí Yến không được hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 14 Nghị định số...../2025/NĐ-CP.

3. Cách tính mức lương hưu hằng tháng theo khoản 3 Điều 12 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP của người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Bảo hiểm xã hội, tỷ lệ phần trăm lương hưu được tính theo quy định tại khoản 1 Điều này, sau đó cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi theo quy định thì giảm 2%, trường hợp thời gian nghỉ hưu trước tuổi dưới 06 tháng thì không giảm tỷ lệ phần trăm hưởng lương hưu, từ đủ 06 tháng đến dưới 12 tháng thì giảm 1%.

Đối với người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường thì lấy tháng sinh tương ứng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư;

Đối với người lao động có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên khi làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cấp có thẩm quyền ban hành hoặc làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số

0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 thì lấy tháng sinh tương ứng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Ví dụ 31:** Đồng chí Thượng tá QNCN Phạm Văn Hưng (53 tuổi 02 tháng) làm việc trong điều kiện bình thường, có 30 năm 4 tháng đóng bảo hiểm xã hội, không đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP, bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 (mốc tuổi để giảm trừ tỷ lệ phần trăm lương hưu là 56 tuổi 06 tháng). Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Hưng được tính như sau:

- 20 năm đầu tính bằng 45% ;
- Từ năm thứ 20 đến năm thứ 30 là 10 năm, tính thêm:  $10 \times 2\% = 20\%$ .
- 04 tháng được tính bằng  $1/2$  năm, tính thêm:  $0,5 \times 2\% = 1\%$
- Tổng tỷ lệ trên là:  $45\% + 20\% + 1\% = 66\%$ .
- Đồng chí Hưng nghỉ hưu trước tuổi (56 tuổi 06 tháng) theo quy định là 03 năm 04 tháng nên tỷ lệ hưởng lương hưu tính giảm:  $3 \times 2\% = 6\%$  (dưới 06 tháng thì không giảm tỷ lệ phần trăm lương hưu).
- Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Hưng là:  $66\% - 6\% = 60\%$ .

**Ví dụ 32:** Đồng chí Thiếu tá QNCN Trần Đăng Dũng, (49 tuổi 3 tháng), có 28 năm 2 tháng đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc độc hại nguy hiểm, không đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP, bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 (51 tuổi 06 tháng). Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Dũng được tính như sau:

- 20 năm đầu tính bằng 45% ;
- Từ năm thứ 20 đến năm thứ 28 là 8 năm, tính thêm:  $8 \times 2\% = 16\%$ .
- 02 tháng được tính bằng  $1/2$  năm, tính thêm:  $0,5 \times 2\% = 1\%$
- Tổng tỷ lệ trên là:  $45\% + 16\% + 1\% = 62\%$ .
- Đồng chí Dũng nghỉ hưu trước tuổi (51 tuổi 06 tháng) theo quy định là 02 năm 03 tháng nên tỷ lệ hưởng lương hưu tính giảm:  $2 \times 2\% = 4\%$  (dưới 06 tháng thì không giảm tỷ lệ phần trăm lương hưu).
- Tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí Dũng là:  $62\% - 4\% = 58\%$ .

### **Điều 15. Thời điểm hưởng lương hưu**

1. Thời điểm hưởng lương hưu là thời điểm được ghi trong quyết định nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của cấp có thẩm quyền.

2. Thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 tháng liền kề sau tháng mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu. Trường hợp không xác định được ngày, tháng sinh hoặc mất hồ sơ và các trường

hợp đặc biệt khác thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP.

3. Thời điểm đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí khi suy giảm khả năng lao động là ngày 01 tháng sau liền kề khi người lao động có đủ cả ba điều kiện về tuổi đời, thời gian đóng bảo hiểm xã hội và có kết luận bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên của Hội đồng Giám định y khoa có thẩm quyền.

4. Trường hợp người lao động hoặc người sử dụng lao động nộp hồ sơ chậm so với quy định thì phải có văn bản giải trình nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

### **Điều 16. Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu**

Trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại Điều 68 Luật Bảo hiểm xã hội; khoản 2 Điều 14 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP đối với người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số ...../2025/NĐ-CP mà tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội thì được mức trợ cấp bằng 02 lần mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi năm đóng cao hơn 35 năm đối với nam, 30 năm đối với nữ đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

**Ví dụ 33:** Đồng chí Đại tá Hoàng Văn Bảy, nhập ngũ tháng 02 tháng 1989 nghỉ hưu tháng 4 tháng 2026, có 37 năm 02 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Đồng chí Bảy có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm (35 năm, tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu 75%) là 02 năm 02 tháng (được tính là 2,5 năm) nên ngoài lương hưu hằng tháng, đồng chí Bảy còn được hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu bằng 5 lần mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội ( $2,5 \text{ năm} \times 2 = 5 \text{ lần}$ ).

**Ví dụ 34:** Đồng chí Trung tá QNCN Hà Thị Hoa, nghỉ hưu tháng 5 năm 2028, có 31 năm 01 tháng đóng bảo hiểm xã hội bảo hiểm xã hội. Đồng chí Hoa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu 75% (trên 30 năm) là 01 năm 01 tháng nên ngoài lương hưu hằng tháng đồng chí Hoa còn được hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu bằng 3 lần tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội ( $1,5 \text{ năm} \times 2 = 3 \text{ lần}$ ).

### **Điều 17. Bảo hiểm xã hội một lần**

1. Bảo hiểm xã hội một lần thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội.

Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để tính trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Bảo hiểm xã hội, Điều 16 Nghị định số .../2025/NĐ-CP và Điều 19 Thông tư này. Trong trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định chưa đủ số năm quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này thì tính bình quân tiền lương của các tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

2. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ một năm thì mức hưởng bằng số tiền đã đóng nhưng không quá 02 tháng mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 35:** Đồng chí Cao Tiến Đức, nhân viên Cơ yếu, tuyển dụng tháng 5 năm 2025; xếp hệ số lương 3,20. Thôi việc và hưởng bảo hiểm xã hội một lần từ tháng 9 năm 2025; thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025 là 04 tháng. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Đức bằng số tiền đã đóng bảo hiểm xã hội là:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 3,20 \times 22\% \times 04 \text{ tháng} = 6.589.440 \text{ đồng}.$$

**Ví dụ 36:** Đồng chí Cao Tiến Đức (ví dụ 34), giả sử đồng chí Đức thôi việc và hưởng bảo hiểm xã hội một lần từ tháng 4 năm 2026; thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2025 đến tháng 3 năm 2026 là 11 tháng. Mức hưởng bảo hiểm một lần của đồng chí Đức được tính như sau:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 3,20 \times 22\% \times 11 \text{ tháng} = 18.120.960 \text{ đồng}.$$

Tuy nhiên, đồng chí Đức có thời gian công tác dưới 01 năm (11 tháng); do đó, mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội là:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 3,20 \times 02 \text{ tháng} = 14.976.000 \text{ đồng}.$$

3. Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần đối với người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì không bao gồm số tiền Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện của từng thời kỳ, trừ trường hợp người mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng quy định tại điểm c điểm, d khoản 1 Điều 70 Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Khi tính mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần: Trường hợp có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cả trước và sau ngày 01 tháng 01 năm 2014 mà thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2014 có tháng lẻ thì những tháng lẻ đó được chuyển sang giai đoạn đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 trở đi để làm căn cứ tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

5. Người lao động đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số .../2025/NĐ-CP được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, mức hưởng cụ thể như sau:

a) Bằng 1,5 tháng mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014;

b) Bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2014 trở đi.

**Ví dụ 37:** Đồng chí Đại úy Hoàng Văn Lập, nhập ngũ tháng 02 năm 2013, phục viên từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 13 năm 04 tháng (trong đó 11 tháng đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01

tháng 01 năm 2014 và 12 năm 05 tháng đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 trở đi). Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Lập được tính như sau:

11 tháng đóng bảo hiểm xã hội trước năm 2014 được chuyển sang giai đoạn từ năm 2014 trở đi. Như vậy, số tháng đóng bảo hiểm xã hội tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2026 để tính bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Lập được tính là 13 năm 04 tháng đóng bảo hiểm xã hội giai đoạn từ năm 2014 trở đi (12 năm 05 tháng + 11 tháng = 13 năm 04 tháng, được tính là 13,5 năm).

Mức hưởng bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Lập được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hưởng trợ cấp} \\ \text{bảo hiểm xã hội một} \\ \text{lần} \end{array} = \begin{array}{l} (2 \text{ tháng} \times 13,5 \\ \text{năm}) \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức bình quân tiền} \\ \text{lương tháng đóng} \\ \text{BHXH} \end{array}$$

6. Thời điểm tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần là thời điểm cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành quyết định hưởng bảo hiểm xã hội một lần

7. Bảo hiểm xã hội một lần đối với hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân, học viên quân đội, cơ yếu hưởng sinh hoạt phí được thực hiện như sau:

a) Nếu trước khi nhập ngũ hoặc trước khi là học viên, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí mà chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì thời gian để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần khi xuất ngũ, thôi việc là thời gian thực tế phục vụ trong Quân đội, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí.

**Ví dụ 38:** Đồng chí Thượng sĩ Võ Văn Vũ, học viên Học viện Kỹ thuật quân sự, nhập ngũ tháng 01 năm 2022; tháng 12 năm 2025, đồng chí Vũ bị bệnh không đủ điều kiện về sức khỏe nên phải xuất ngũ. Đồng chí Vũ được hưởng bảo hiểm xã hội một lần khi xuất ngũ tương ứng với thời gian tham gia bảo hiểm xã hội là 04 năm, cách tính như sau:

Diễn biến tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là:

Từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 là 12 tháng (năm thứ nhất), hệ số lương cơ sở là 1.490.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,07.

$$1.490.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 1,07 = 19.131.600 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023 là 06 tháng (năm thứ hai), hệ số lương cơ sở là 1.490.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,04

$$1.490.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 1,04 = 9.297.600 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 là 06 tháng (năm thứ hai), hệ số lương cơ sở là 1.800.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,04

$$1.800.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 1,04 = 11.232.000 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024 là 06 tháng (năm thứ ba), hệ số lương cơ sở là 1.800.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,0

$$1.800.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 1,0 = 10.800.000 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024 là 06 tháng (năm thứ ba), hệ số lương cơ sở là 2.340.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,0

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 1,0 = 14.040.000 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 6 năm 2025 là 6 tháng (năm thứ tư), hệ số lương cơ sở là 2.340.000 đồng, hệ số điều chỉnh là 1,0

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} \times 1,0 = 14.040.000 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 7 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025 là 6 tháng (năm thứ tư), bằng 3 lần mức tham chiếu, hệ số điều chỉnh là 1,0

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 3 \times 6 \text{ tháng} \times 1,0 = 42.120.000 \text{ đồng.}$$

Mức bình quân tiền lương làm căn cứ tính bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Vũ là:

$$(19.131.600 \text{ đồng} + 9.297.600 \text{ đồng} + 11.232.000 \text{ đồng} + 10.800.000 \text{ đồng} + 14.040.000 \text{ đồng} + 14.040.000 \text{ đồng} + 42.120.000 \text{ đồng}) = 120.661.200 \text{ đồng} : 48 \text{ tháng} = 2.513.775 \text{ đồng.}$$

Mức trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần của đồng chí Vũ là: 2.513.775 đồng  $\times (4 \text{ năm} \times 2 \text{ tháng} = 8 \text{ tháng}) = 20.110.200 \text{ đồng}$

b) Nếu trước khi nhập ngũ hoặc trước khi là học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí, có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội mà chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần từ quỹ bảo hiểm xã hội (bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội) thì thời gian để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần khi xuất ngũ, thôi việc là tổng thời gian phục vụ thực tế trong Quân đội, học viên cơ yếu hưởng sinh hoạt phí với thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội trước đó.

**Ví dụ 39:** Đồng chí Hạ sĩ Lê Hùng Dũng; nhập ngũ tháng 02 năm 2025; xuất ngũ tháng 01 năm 2027 (02 năm); trước khi nhập ngũ đồng chí Dũng có 05 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Như vậy, thời gian để tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần là 07 năm.

### **Điều 18. Bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội**

Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này, nếu không đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định tại Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP mà không hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định, thì được Bảo hiểm xã hội Quân đội xác nhận, bảo lưu thời gian và mức đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 71 Luật Bảo hiểm xã hội, thực hiện như sau:

1. Trong thời gian bảo lưu, nếu tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội thì được cộng tiếp thời gian đóng bảo hiểm xã hội (bao gồm cả thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thời gian đóng bảo hiểm tự nguyện) và được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định đối với từng đối tượng tại thời điểm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Trong thời gian bảo lưu, nếu có nguyện vọng được nhận bảo hiểm xã hội một lần thì bảo hiểm xã hội khu vực nơi người lao động cư trú hợp pháp căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội để chi trả bảo hiểm xã hội một lần.

3. Người lao động có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong thời gian bảo lưu không tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, khi đủ tuổi đời quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số .../2025/NĐ-CP được hưởng lương hưu hằng tháng, do bảo hiểm xã hội khu vực nơi cư trú hợp pháp giải quyết.

4. Người lao động đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong thời gian bảo lưu không tiếp tục làm việc và không đóng bảo hiểm xã hội, nếu bị ốm đau, tai nạn rủi ro mà bị suy giảm khả năng lao động thì chủ động đi giám định y khoa, nếu suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì:

a) Trường hợp làm việc trong điều kiện lao động bình thường, thời điểm nhận lương hưu hằng tháng khi đủ tuổi đời quy định tại điểm a khoản 2 Điều 65 Luật Bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 40:** Đồng chí Thiếu tá QNCN Trần Văn Sang, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1974, nhập ngũ tháng 5 năm 1997, phục viên từ ngày 01 tháng 5 năm 2020 và đang bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 23 năm). Ngày 10 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Giám định y khoa kết luận đồng chí Sang bị suy giảm khả năng lao động 61%. Như vậy, thời điểm đồng chí Sang đủ điều kiện hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

b) Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, thì được nghỉ hưu không phụ thuộc vào tuổi đời theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 65 Luật Bảo hiểm xã hội. Thời điểm nhận lương hưu hằng tháng từ ngày 01 tháng liền kề sau tháng có kết luận của Hội đồng Giám định y khoa.

5. Trong thời gian bảo lưu người lao động bị chết thì thân nhân được hưởng chế độ tử tuất quy định tại Mục 4 Thông tư này, do bảo hiểm xã hội khu vực nơi cư trú hợp pháp giải quyết.

6. Trong thời gian bảo lưu không được hưởng chế độ ốm đau, chế độ thai sản; trừ trường hợp sinh con hoặc nhận con khi nhờ mang thai hộ hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội.

### **Điều 19. Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần**

1. Người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này có toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì mức

bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trước khi nghỉ hưu được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số .../2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 1995:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm (60 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{60 \text{ tháng}}$$

b) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 31 tháng 12 năm 2000:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 6 năm (72 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{72 \text{ tháng}}$$

c) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 8 năm (96 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{96 \text{ tháng}}$$

d) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 10 năm (120 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{120 \text{ tháng}}$$

đ) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 15 năm (180 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{180 \text{ tháng}}$$

e) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 20 năm (240 tháng) cuối trước khi nghỉ việc}}{240 \text{ tháng}}$$

g) Bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 trở đi:

$$M_{bqtl} = \frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của toàn bộ thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc}}{\text{Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội}}$$

Trong đó:  $M_{bqt}$  là mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Bảo hiểm xã hội.

h) Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội trong các công thức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này là tiền lương theo cấp bậc quân hàm, ngạch, bậc, và các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp thâm niên vượt khung, hệ số chênh lệch bảo lưu đã đóng bảo hiểm xã hội (nếu có). Khi tính bình quân tiền lương này được tính theo chế độ tiền lương do Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang (trong đó mức phụ cấp thâm niên nghề được tính trên tỉ lệ phần trăm cao nhất cho cùng một hệ số lương, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu) và quy định về mức tham chiếu tại thời điểm hưởng lương hưu hoặc nhận bảo hiểm xã hội một lần. Trường hợp người lao động đang giữ chức vụ lãnh đạo ở một cơ quan, đơn vị Quân đội, Cơ yếu; đồng thời, được bầu cử, bổ nhiệm kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo ở cơ quan, đơn vị khác (cả trong và ngoài Quân đội, Cơ yếu) thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định của pháp luật về tiền lương; phụ cấp kiêm nhiệm này không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 41:** Đồng chí Đại tá Nguyễn Văn Khoa, nhập ngũ tháng 02 năm 1986, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01 tháng 4 năm 2026, có 40 năm 01 tháng đóng bảo hiểm xã hội, có diễn biến tiền lương như sau: Tháng 7 năm 2019 được thăng quân hàm Thượng tá (7,30), tháng 4 năm 2023 bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng (hệ số chức vụ 0,9), tháng 7 năm 2024 thăng quân hàm Đại tá (8,0). Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của đồng chí Khoa được tính như sau:

Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023 là 24 tháng; hệ số lương 7,30; thâm niên nghề 37%:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times 7,30 \times 1,37 \times 24 \text{ tháng} = 561.656.160 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 4 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 là 15 tháng; hệ số lương 7,30; hệ số chức vụ 0,9, thâm niên nghề 38%:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times (7,30 + 0,9) \times 1,38 \times 15 \text{ tháng} = 397.191.600 \text{ đồng.}$$

Từ tháng 7 năm 2024 đến tháng 3 năm 2026 là 21 tháng; hệ số lương 8,0; hệ số chức vụ 0,9, thâm niên nghề 40%:

$$2.340.000 \text{ đồng} \times (8,00 + 0,9) \times 1,40 \times 21 \text{ tháng} = 933.004.800 \text{ đồng.}$$

Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối của đồng chí Khoa là:  $561.656.160 \text{ đồng} + 397.191.600 \text{ đồng} + 933.004.800 \text{ đồng} : 60 \text{ tháng} = 31.530.876 \text{ đồng.}$

**Ví dụ 42:** Đồng chí Nguyễn Văn Thành, Chánh án Tòa án Quân sự Trung ương, hưởng phụ cấp chức vụ 1,10; tháng 4 năm 2026 đồng chí Thành được bổ nhiệm chức danh Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (có phụ cấp chức vụ hệ số 1,30). Theo quy định, kể từ tháng 4 năm 2026 đồng chí Thành được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm 10% mức lương cấp hàm cộng với phụ cấp chức vụ hiện hưởng. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo của đồng chí Thành được trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.

i) Trong thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, người lao động có từ hai giai đoạn trở lên thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì việc tính bình quân tiền lương ở khu vực Nhà nước được tính theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản này phụ thuộc vào thời điểm đầu tiên người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

**Ví dụ 43:** Đồng chí Trung tá QNCN Ma Tuấn Hoàng, có diễn biến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội như sau:

Từ tháng 02 năm 2004 đến tháng 12 năm 2013 là giáo viên trường trung học cơ sở;

Từ tháng 01 năm 2014 nghỉ việc không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trước đó (09 năm 11 tháng);

Tháng 9 năm 2016 được tuyển dụng vào đơn vị Quân đội, chuyển xếp lương trung cấp nhóm 1, bậc 3, hệ số lương 4,10, thăng quân hàm Trung úy QNCN.

Như vậy, khi giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu hoặc bảo hiểm xã hội một lần, được tính bằng mức lương bình quân tiền lương làm căn cứ của 08 năm cuối (96 tháng) trước khi đồng chí Hoàng nghỉ hưu hoặc phục viên (do thời điểm đầu tiên đồng chí Hoàng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là tháng 02 năm 2004).

2. Trường hợp người lao động quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tính bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội chung của các thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số .../2025/NĐ-CP được hướng dẫn như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng} \\ \text{bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền} \\ \text{lương do Nhà nước quy định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo} \\ \text{hiểm xã hội của các tháng đóng bảo hiểm} \\ \text{xã hội theo chế độ tiền lương do người sử} \\ \text{dụng lao động quyết định} \end{array}$$

Mbqtl = \_\_\_\_\_

Trong đó:

Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội

a) Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định được tính bằng tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định nhân với mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội được tính theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của các tháng đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định được tính bằng tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của các tháng đóng bảo hiểm xã hội chia cho tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội là tiền lương đã được điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Bảo hiểm xã hội.

#### **Mục 4. CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT**

##### **Điều 20. Trợ cấp mai táng**

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này khi chết thì tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức tham chiếu tại tháng mà người lao động chết bao gồm:

1. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên;
2. Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;
3. Đang hưởng hoặc đang tạm dừng hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng đã nghỉ việc.

**Ví dụ 44:** *Đồng chí Binh nhất Nguyễn Văn Huy, nhập ngũ tháng 02 năm 2026, bị chết do tai nạn rủi ro ngày 05 tháng 11 năm 2026, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của đồng chí Huy là 10 tháng, không đủ điều kiện cho để tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng.*

**Ví dụ 45:** *Đồng chí Binh nhất Nguyễn Văn Huy (ví dụ 44), nhưng trước khi nhập ngũ có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 4 năm 02 tháng, thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 10 tháng. Đồng chí Huy có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm xã hội bắt buộc là 60 tháng nên tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức tham chiếu tại thời điểm đồng chí Huy chết.*

##### **Điều 21. Trợ cấp tuất hằng tháng**

1. Các trường hợp hưởng trợ cấp tuất hằng tháng được thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Việc xác định thân nhân của người lao động thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội và được hướng dẫn như sau:

a) Thời điểm xem xét tuổi đối với thân nhân của người lao động là kết thúc ngày cuối cùng của tháng người lao động chết.

b) Trường hợp hồ sơ của thân nhân người lao động không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ có năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh để xác định tuổi của thân nhân người lao động làm cơ sở giải quyết trợ cấp tuất hằng tháng.

c) Việc xác định tình trạng của thân nhân người lao động để làm căn cứ giải quyết trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội được xác định tại tháng người lao động chết. Trường hợp sau đó tình trạng của thân nhân người lao động có sự thay đổi thì không căn cứ vào đó để xem xét lại việc giải quyết chế độ tử tuất.

3. Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc còn thiếu không quá 06 tháng để đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội mà bị chết, nếu có thân nhân đủ điều kiện hưởng chế độ tuất hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội và có nguyện vọng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thì thân nhân được đóng tiếp bảo hiểm xã hội một lần cho số tháng còn thiếu vào quỹ hưu trí và tử tuất để được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng (thân nhân đóng số tiền còn thiếu cho đơn vị quản lý người lao động trước khi chết để chuyển vào tài khoản chuyên thu bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội Quân đội với mức đóng bằng 22% của số tháng tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của tháng cuối cùng trước khi người lao động trước khi chết; thời điểm hưởng trợ cấp tuất hằng tháng được thực hiện kể từ tháng liền kề sau tháng người lao động chết. Trường hợp con được sinh sau thời điểm người cha, người cha là chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ hoặc người mẹ nhờ mang thai hộ chết thì thời điểm hưởng trợ cấp tuất hằng tháng của con tính từ tháng con được sinh.

4. Việc khám giám định mức suy giảm khả năng lao động để làm cơ sở giải quyết trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp thân nhân bị suy giảm khả năng lao động, trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày người lao động chết, nếu thân nhân bị suy giảm khả năng lao động mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thì nộp đơn đề nghị cho đơn vị quản lý trực tiếp người lao động trước khi chết để báo cáo cấp đầu mối trực thuộc Bộ có trách nhiệm giới thiệu đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền nơi thuận tiện nhất để giám định mức suy giảm khả năng lao động làm cơ sở giải quyết trợ cấp tuất hằng tháng (trừ trường hợp thân nhân người lao động đã được tổ chức có thẩm quyền kết luận bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc được cấp giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng);

b) Trong thời hạn 06 tháng trước hoặc sau thời điểm thân nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội hết thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn gửi cho cơ quan bảo

hiểm xã hội nơi cư trú. Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giới thiệu thân nhân đến Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền để giám định mức suy giảm khả năng lao động, làm cơ sở giải quyết tiếp trợ cấp tuất hằng tháng.

5. Mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với thân nhân người lao động chết được thực hiện theo quy định tại Điều 87 Luật Bảo hiểm xã hội.

**Ví dụ 46:** *Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Văn Thu, là con duy nhất trong gia đình, mẹ đã chết, bố 62 tuổi (không có nguồn thu nhập). Đồng chí Thu bị chết do bệnh hiểm nghèo. Trong trường hợp này, bố đồng chí Thu thuộc diện được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức tham chiếu.*

6. Trường hợp số thân nhân của người lao động chết, đủ điều kiện hưởng tuất hằng tháng vượt quá 4 người, thì các thân nhân trong gia đình thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản, lựa chọn người nhận trợ cấp tuất hằng tháng, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú và đơn vị nơi người lao động công tác trước khi chết.

## **Điều 22. Trợ cấp tuất một lần**

1. Các trường hợp được hưởng trợ cấp tuất một lần thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần phải có sự thống nhất bằng văn bản của các thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và cử người đại diện đứng ra nhận trợ cấp một lần.

3. Mức trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội, trong đó:

a) Trường hợp có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cả trước và sau ngày 01 tháng 01 năm 2014 mà thời gian trước ngày 01 tháng 01 năm 2014 có tháng lẻ thì những tháng lẻ đó được chuyển sang giai đoạn đóng bảo hiểm xã hội sau ngày 01 tháng 01 năm 2014 trở đi để làm cơ sở tính trợ cấp tuất một lần.

**Ví dụ 47:** *Đồng chí Thiếu tá QNCN Nguyễn Văn Sơn, nhập ngũ tháng 10 năm 2005, bị ốm chết ngày 03 tháng 3 năm 2027; giả sử có mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là 15.500.000 đồng/tháng.*

*Đồng chí Sơn có 8 năm 03 tháng đóng bảo hiểm xã hội ở giai đoạn trước ngày 01 tháng 01 năm 2014; có 13 năm 03 tháng đóng bảo hiểm xã hội ở giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 trở đi.*

*Mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của đồng chí Sơn được tính như sau (08 năm đóng trước năm 2014 và 13 năm 6 tháng đóng từ năm 2014 trở đi):*

$$\left[ (8 \times 1,5) + (13,5 \times 2) \right] \times 15.500.000 \text{ đồng} = 604.500.000 \text{ đồng}.$$

b) Mức trợ cấp tuất một lần đối với đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội chết thấp nhất bằng 03

tháng bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội trước khi người lao động chết.

**Ví dụ 48:** Đồng chí Binh nhất Vũ Văn Ba, nhập ngũ tháng 3 năm 2026, tháng 10 năm 2026 bị tai nạn rủi ro chết (giả sử mức tham chiếu là 2.30.000 đồng), mức trợ cấp tuất một lần từ quỹ bảo hiểm xã hội là:  $2.340.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 02 \text{ tháng} = 4.680.000 \text{ đồng}$ . Tuy nhiên, theo quy định, mức trợ cấp tuất một lần thấp nhất bằng 03 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, trợ cấp tuất một lần cho thân nhân đồng chí Ba là:  $2.340.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 7.020.000 \text{ đồng}$ .

4. Trường hợp thân nhân người lao động đã được giải quyết hưởng trợ cấp tuất một lần hoặc trợ cấp tuất hằng tháng theo đúng quy định của pháp luật thì không trả lại trợ cấp tuất một lần hoặc trợ cấp tuất hằng tháng để giải quyết hưởng lại trợ cấp tuất hằng tháng hoặc trợ cấp tuất một lần.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp**

Các quy định chuyển tiếp được thực hiện theo Điều 19 Nghị định số .../2025/NĐ-CP và một số nội dung sau:

1. Hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân, học viên quân đội, cơ yếu đang hưởng sinh hoạt phí trong giai đoạn từ ngày 31 tháng 12 năm 2006 trở về trước, ngay sau đó chuyển tiếp sang diện hưởng lương trong các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, tổ chức Cơ yếu thì thời gian hưởng sinh hoạt phí đó được tính để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Người lao động chết trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng hồ sơ giải quyết chế độ tử tuất gửi tới cơ quan bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi, thì chế độ tử tuất được thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2025. Trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất một lần tính theo mức tham chiếu tại tháng người lao động chết, riêng trợ cấp tuất hằng tháng được điều chỉnh theo mức tham chiếu do Chính phủ quy định ở từng giai đoạn và không tính lãi phát sinh.

3. Người lao động bị kết án tù giam từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi, được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian chấp hành án phạt tù mà đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Bảo hiểm xã hội thì được ủy quyền bằng văn bản cho thân nhân giải quyết chế độ hưu trí; cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý đối tượng trước khi chấp hành hình phạt tù lập hồ sơ gửi Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) để giải quyết theo quy định.

b) Trường hợp sau khi ra tù có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc tiếp nhận trở lại để bố trí sử dụng hoặc giải quyết chính sách thì cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng lập hồ sơ gửi Cục Chính sách - Xã hội (Bảo hiểm xã hội Quân đội) để giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

4. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư này đang hưởng chế độ phu nhân, phu quân tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 trở đi thì người lao động và người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Bảo hiểm xã hội và khoản 1 Điều 34 Luật Bảo hiểm xã hội với mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Bảo hiểm xã hội; được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định tại Thông tư này.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu cũng được điều chỉnh theo.

#### **Điều 25. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm TCCT;
- Các Thứ trưởng BQP;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ, Ban CYCP;
- C20, C10, C41, C56, C85, C29, C37;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Cục KTVB và QLXLVPHC/BTP;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT/BQP, Công TTĐT  
Ngành Chính sách Quân đội;
- Lưu: VT, KH, CSXH<sub>(k)</sub>

**BỘ TRƯỞNG**

**Phụ lục I**  
**LỘ TRÌNH TUỔI NGHỈ HƯU TRONG ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG BÌNH**  
**THƯỜNG GẮN VỚI THÁNG NĂM SINH TƯƠNG ỨNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BQP)*

| Lao động nam   |      |                    |                           |      | Lao động nữ    |      |                    |                           |      |
|----------------|------|--------------------|---------------------------|------|----------------|------|--------------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu |      | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng          | Năm  |                    | Tháng                     | Năm  | Tháng          | Năm  |                    | Tháng                     | Năm  |
|                |      |                    |                           |      |                |      | 51 tuổi            |                           |      |
|                |      |                    |                           |      | 10             | 1973 |                    | 7                         | 2025 |
|                |      |                    |                           |      | 11             | 1973 |                    | 8                         | 2025 |
|                |      |                    |                           |      | 12             | 1973 |                    | 9                         | 2025 |
| 1              | 1969 | 56 tuổi<br>3 tháng | 5                         | 2025 | 1              | 1974 | 8 tháng            | 10                        | 2025 |
| 2              | 1969 |                    | 6                         | 2025 | 2              | 1974 |                    | 11                        | 2025 |
| 3              | 1969 |                    | 7                         | 2025 | 3              | 1974 |                    | 12                        | 2025 |
| 4              | 1969 |                    | 8                         | 2025 | 4              | 1974 |                    | 1                         | 2026 |
| 5              | 1969 |                    | 9                         | 2025 | 5              | 1974 | 52 tuổi            | 6                         | 2026 |
| 6              | 1969 |                    | 10                        | 2025 | 6              | 1974 |                    | 7                         | 2026 |
| 7              | 1969 |                    | 11                        | 2025 | 7              | 1974 |                    | 8                         | 2026 |
| 8              | 1969 |                    | 12                        | 2025 | 8              | 1974 |                    | 9                         | 2026 |
| 9              | 1969 |                    | 1                         | 2026 | 9              | 1974 |                    | 10                        | 2026 |
| 10             | 1969 | 56 tuổi<br>6 tháng | 5                         | 2026 | 10             | 1974 |                    | 11                        | 2026 |
| 11             | 1969 |                    | 6                         | 2026 | 11             | 1974 |                    | 12                        | 2026 |
| 12             | 1969 |                    | 7                         | 2026 | 12             | 1974 |                    | 1                         | 2027 |
| 1              | 1970 |                    | 8                         | 2026 | 1              | 1975 | 52 tuổi<br>4 tháng | 6                         | 2027 |
| 2              | 1970 |                    | 9                         | 2026 | 2              | 1975 |                    | 7                         | 2027 |
| 3              | 1970 |                    | 10                        | 2026 | 3              | 1975 |                    | 8                         | 2027 |
| 4              | 1970 |                    | 11                        | 2026 | 4              | 1975 |                    | 9                         | 2027 |
| 5              | 1970 |                    | 12                        | 2026 | 5              | 1975 |                    | 10                        | 2027 |
| 6              | 1970 |                    | 1                         | 2027 | 6              | 1975 |                    | 11                        | 2027 |

| Lao động nam           |      |                    |                                                   |      | Lao động nữ    |      |                 |                           |      |
|------------------------|------|--------------------|---------------------------------------------------|------|----------------|------|-----------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh         |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu                         |      | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu   | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng                  | Năm  |                    | Tháng                                             | Năm  | Tháng          | Năm  |                 | Tháng                     | Năm  |
| 7                      | 1970 | 56 tuổi<br>9 tháng | 5                                                 | 2027 | 7              | 1975 | 52 tuổi 8 tháng | 12                        | 2027 |
| 8                      | 1970 |                    | 6                                                 | 2027 | 8              | 1975 |                 | 1                         | 2028 |
| 9                      | 1970 |                    | 7                                                 | 2027 | 9              | 1975 |                 | 6                         | 2028 |
| 10                     | 1970 |                    | 8                                                 | 2027 | 10             | 1975 |                 | 7                         | 2028 |
| 11                     | 1970 |                    | 9                                                 | 2027 | 11             | 1975 |                 | 8                         | 2028 |
| 12                     | 1970 |                    | 10                                                | 2027 | 12             | 1975 |                 | 9                         | 2028 |
| 1                      | 1971 |                    | 11                                                | 2027 | 1              | 1976 |                 | 10                        | 2028 |
| 2                      | 1971 |                    | 12                                                | 2027 | 2              | 1976 |                 | 11                        | 2028 |
| 3                      | 1971 |                    | 1                                                 | 2028 | 3              | 1976 |                 | 12                        | 2028 |
| Từ tháng 4/1971 trở đi |      | 57 tuổi            | Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 57 tuổi |      | 4              | 1976 |                 | 1                         | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 5              | 1976 | 53 tuổi         | 6                         | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 6              | 1976 |                 | 7                         | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 7              | 1976 |                 | 8                         | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 8              | 1976 |                 | 9                         | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 9              | 1976 |                 | 10                        | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 10             | 1976 |                 | 11                        | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 11             | 1976 |                 | 12                        | 2029 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 12             | 1976 |                 | 1                         | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 1              | 1977 | 53 tuổi 4 tháng | 6                         | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 2              | 1977 |                 | 7                         | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 3              | 1977 |                 | 8                         | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 4              | 1977 |                 | 9                         | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 5              | 1977 |                 | 10                        | 2030 |
|                        |      |                    |                                                   |      | 6              | 1977 |                 | 11                        | 2030 |

| Lao động nam   |     |               |                           |     | Lao động nữ    |      |                 |                           |      |
|----------------|-----|---------------|---------------------------|-----|----------------|------|-----------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh |     | Tuổi nghỉ hưu | Thời điểm hưởng lương hưu |     | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu   | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng          | Năm |               | Tháng                     | Năm | Tháng          | Năm  |                 | Tháng                     | Năm  |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1977 |                 | 12                        | 2030 |
|                |     |               |                           |     | 8              | 1977 |                 | 1                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 9              | 1977 | 53 tuổi 8 tháng | 6                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 10             | 1977 |                 | 7                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 11             | 1977 |                 | 8                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 12             | 1977 |                 | 9                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 1              | 1978 |                 | 10                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 2              | 1978 |                 | 11                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 3              | 1978 |                 | 12                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 4              | 1978 |                 | 1                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 5              | 1978 | 54 tuổi         | 6                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 6              | 1978 |                 | 7                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1978 |                 | 8                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 8              | 1978 |                 | 9                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 9              | 1978 |                 | 10                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 10             | 1978 |                 | 11                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 11             | 1978 |                 | 12                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 12             | 1978 |                 | 1                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 1              | 1979 | 54 tuổi 4 tháng | 6                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 2              | 1979 |                 | 7                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 3              | 1979 |                 | 8                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 4              | 1979 |                 | 9                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 5              | 1979 |                 | 10                        | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 6              | 1979 |                 | 11                        | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1979 |                 | 12                        | 2033 |

| Lao động nam   |     |               |                           |     | Lao động nữ            |      |                 |                                                   |      |
|----------------|-----|---------------|---------------------------|-----|------------------------|------|-----------------|---------------------------------------------------|------|
| Thời điểm sinh |     | Tuổi nghỉ hưu | Thời điểm hưởng lương hưu |     | Thời điểm sinh         |      | Tuổi nghỉ hưu   | Thời điểm hưởng lương hưu                         |      |
| Tháng          | Năm |               | Tháng                     | Năm | Tháng                  | Năm  |                 | Tháng                                             | Năm  |
|                |     |               |                           |     | 8                      | 1979 |                 | 1                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 9                      | 1979 | 54 tuổi 8 tháng | 6                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 10                     | 1979 |                 | 7                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 11                     | 1979 |                 | 8                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 12                     | 1979 |                 | 9                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 1                      | 1980 |                 | 10                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 2                      | 1980 |                 | 11                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 3                      | 1980 |                 | 12                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 4                      | 1980 |                 | 1                                                 | 2035 |
|                |     |               |                           |     | Từ tháng 5/1980 trở đi |      | 55 tuổi         | Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 55 tuổi |      |

**Phụ lục II**  
**TUỔI NGHỈ HƯU THẤP NHẤT GẮN VỚI THÁNG NĂM SINH TƯƠNG ỨNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BQP)*

| Lao động nam   |      |                    |                           |      | Lao động nữ    |      |                    |                           |      |
|----------------|------|--------------------|---------------------------|------|----------------|------|--------------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu |      | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng          | Năm  |                    | Tháng                     | Năm  | Tháng          | Năm  |                    | Tháng                     | Năm  |
|                |      | 51 tuổi<br>3 tháng |                           |      |                |      | 46 tuổi<br>8 tháng |                           |      |
|                |      |                    |                           |      | 10             | 1978 |                    | 7                         | 2025 |
| 3              | 1974 |                    | 7                         | 2025 | 11             | 1978 |                    | 8                         | 2025 |
| 4              | 1974 |                    | 8                         | 2025 | 12             | 1978 |                    | 9                         | 2025 |
| 5              | 1974 |                    | 9                         | 2025 | 1              | 1979 |                    | 10                        | 2025 |
| 6              | 1974 |                    | 10                        | 2025 | 2              | 1979 |                    | 11                        | 2025 |
| 7              | 1974 |                    | 11                        | 2025 | 3              | 1979 |                    | 12                        | 2025 |
| 8              | 1974 |                    | 12                        | 2025 | 4              | 1979 |                    | 1                         | 2026 |
| 9              | 1974 |                    | 1                         | 2026 | 5              | 1979 | 47 tuổi            | 6                         | 2026 |
| 10             | 1974 | 51 tuổi<br>6 tháng | 5                         | 2026 | 6              | 1979 |                    | 7                         | 2026 |
| 11             | 1974 |                    | 6                         | 2026 | 7              | 1979 |                    | 8                         | 2026 |
| 12             | 1974 |                    | 7                         | 2026 | 8              | 1979 |                    | 9                         | 2026 |
| 1              | 1975 |                    | 8                         | 2026 | 9              | 1979 |                    | 10                        | 2026 |
| 2              | 1975 |                    | 9                         | 2026 | 10             | 1979 |                    | 11                        | 2026 |
| 3              | 1975 |                    | 10                        | 2026 | 11             | 1979 |                    | 12                        | 2026 |
| 4              | 1975 |                    | 11                        | 2026 | 12             | 1979 |                    | 1                         | 2027 |
| 5              | 1975 |                    | 12                        | 2026 | 1              | 1980 | 47 tuổi<br>4 tháng | 6                         | 2027 |
| 6              | 1975 | 51 tuổi<br>9 tháng | 1                         | 2027 | 2              | 1980 |                    | 7                         | 2027 |
| 7              | 1975 |                    | 5                         | 2027 | 3              | 1980 |                    | 8                         | 2027 |
| 8              | 1975 |                    | 6                         | 2027 | 4              | 1980 |                    | 9                         | 2027 |
| 9              | 1975 |                    | 7                         | 2027 | 5              | 1980 |                    | 10                        | 2027 |
| 10             | 1975 |                    | 8                         | 2027 | 6              | 1980 |                    | 11                        | 2027 |
| 11             | 1975 |                    | 9                         | 2027 | 7              | 1980 |                    | 12                        | 2027 |

| Lao động nam           |      |               |                                                   |      | Lao động nữ    |      |                 |                           |      |
|------------------------|------|---------------|---------------------------------------------------|------|----------------|------|-----------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh         |      | Tuổi nghỉ hưu | Thời điểm hưởng lương hưu                         |      | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu   | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng                  | Năm  |               | Tháng                                             | Năm  | Tháng          | Năm  |                 | Tháng                     | Năm  |
| 12                     | 1975 |               | 10                                                | 2027 | 8              | 1980 |                 | 1                         | 2028 |
| 1                      | 1976 |               | 11                                                | 2027 | 9              | 1980 |                 | 6                         | 2028 |
| 2                      | 1976 |               | 12                                                | 2027 | 10             | 1980 |                 | 7                         | 2028 |
| 3                      | 1976 |               | 1                                                 | 2028 | 11             | 1980 |                 | 8                         | 2028 |
| Từ tháng 4/1976 trở đi |      | 52 tuổi       | Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 52 tuổi |      | 12             | 1980 | 47 tuổi 8 tháng | 9                         | 2028 |
|                        |      |               |                                                   |      | 1              | 1981 |                 | 10                        | 2028 |
|                        |      |               |                                                   |      | 2              | 1981 |                 | 11                        | 2028 |
|                        |      |               |                                                   |      | 3              | 1981 |                 | 12                        | 2028 |
|                        |      |               |                                                   |      | 4              | 1981 | 1               | 2029                      |      |
|                        |      |               |                                                   |      | 5              | 1981 | 48 tuổi         | 6                         | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 6              | 1981 |                 | 7                         | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 7              | 1981 |                 | 8                         | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 8              | 1981 |                 | 9                         | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 9              | 1981 |                 | 10                        | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 10             | 1981 |                 | 11                        | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 11             | 1981 |                 | 12                        | 2029 |
|                        |      |               |                                                   |      | 12             | 1981 |                 | 1                         | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 1              | 1982 | 48 tuổi 4 tháng | 6                         | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 2              | 1982 |                 | 7                         | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 3              | 1982 |                 | 8                         | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 4              | 1982 |                 | 9                         | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 5              | 1982 |                 | 10                        | 2030 |
|                        |      |               |                                                   |      | 6              | 1982 |                 | 11                        | 2030 |

| Lao động nam   |     |               |                           |     | Lao động nữ    |      |                    |                           |      |
|----------------|-----|---------------|---------------------------|-----|----------------|------|--------------------|---------------------------|------|
| Thời điểm sinh |     | Tuổi nghỉ hưu | Thời điểm hưởng lương hưu |     | Thời điểm sinh |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu |      |
| Tháng          | Năm |               | Tháng                     | Năm | Tháng          | Năm  |                    | Tháng                     | Năm  |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1982 |                    | 12                        | 2030 |
|                |     |               |                           |     | 8              | 1982 |                    | 1                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 9              | 1982 |                    | 6                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 10             | 1982 | 48 tuổi<br>8 tháng | 7                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 11             | 1982 |                    | 8                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 12             | 1982 |                    | 9                         | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 1              | 1983 |                    | 10                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 2              | 1983 |                    | 11                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 3              | 1983 |                    | 12                        | 2031 |
|                |     |               |                           |     | 4              | 1983 |                    | 1                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 5              | 1983 | 49 tuổi            | 6                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 6              | 1983 |                    | 7                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1983 |                    | 8                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 8              | 1983 |                    | 9                         | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 9              | 1983 |                    | 10                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 10             | 1983 |                    | 11                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 11             | 1983 |                    | 12                        | 2032 |
|                |     |               |                           |     | 12             | 1983 |                    | 1                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 1              | 1984 | 49 tuổi<br>4 tháng | 6                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 2              | 1984 |                    | 7                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 3              | 1984 |                    | 8                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 4              | 1984 |                    | 9                         | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 5              | 1984 |                    | 10                        | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 6              | 1984 |                    | 11                        | 2033 |
|                |     |               |                           |     | 7              | 1984 |                    | 12                        | 2033 |

| Lao động nam   |     |               |                           |     | Lao động nữ            |      |                    |                                                   |      |
|----------------|-----|---------------|---------------------------|-----|------------------------|------|--------------------|---------------------------------------------------|------|
| Thời điểm sinh |     | Tuổi nghỉ hưu | Thời điểm hưởng lương hưu |     | Thời điểm sinh         |      | Tuổi nghỉ hưu      | Thời điểm hưởng lương hưu                         |      |
| Tháng          | Năm |               | Tháng                     | Năm | Tháng                  | Năm  |                    | Tháng                                             | Năm  |
|                |     |               |                           |     | 8                      | 1984 | 49 tuổi<br>8 tháng | 1                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 9                      | 1984 |                    | 6                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 10                     | 1984 |                    | 7                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 11                     | 1984 |                    | 8                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 12                     | 1984 |                    | 9                                                 | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 1                      | 1985 |                    | 10                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 2                      | 1985 |                    | 11                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 3                      | 1985 |                    | 12                                                | 2034 |
|                |     |               |                           |     | 4                      | 1985 |                    | 1                                                 | 2035 |
|                |     |               |                           |     | Từ tháng 5/1985 trở đi |      | 50 tuổi            | Tháng liền kề sau tháng người lao động đủ 50 tuổi |      |